

**Phụ lục:**  
**Tiếp thu giải trình nội dung thẩm định của Sở Tư pháp  
đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Căn cứ nội dung thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 268/BC-STP ngày 19 tháng 8 năm 2022. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo việc tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết như sau:

<b>Nội dung thẩm định</b>	<b>Nội dung tiếp thu, giải trình</b>
<p>1. Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị quyết có tên gọi (trích yếu) là: “Ban hành Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện nội dung, công việc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh”. Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết (thể hiện qua Điều 1 dự thảo Nghị quyết) cũng quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện nội dung, công việc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy, tên gọi (trích yếu), phạm vi điều chỉnh (tại Điều 1) và nội dung (tên Điều 4) của dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc <b>cụ thể</b> thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Như vậy, tên gọi, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo chưa thống nhất, chưa phù hợp với các nội dung có trong dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo.</p> <p>Từ những vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên gọi dự thảo Nghị quyết, tên gọi Quy định dự kiến ban hành kèm theo, Điều 1 dự thảo Nghị quyết và tên Điều 4 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo đảm bảo thống nhất, phù hợp.</p>	<p>Thống nhất tiếp thu: Điều chỉnh tên gọi phù hợp và thống nhất là “<b>Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum</b>”</p>

<b>Nội dung thẩm định</b>	<b>Nội dung tiếp thu, giải trình</b>
<p>2. <i>Đối tượng áp dụng</i>: Theo quy định tại điểm b, Mục 1 Phần V Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể xây dựng nông thôn mới đối với các xã <b>không thuộc</b> địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo<sup>(1)</sup>. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại đối tượng áp dụng được dự kiến tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo là tất cả các xã để thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum; trường hợp quyết định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (<i>nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>) đối với <b>toàn bộ</b> các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thì đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn.</p>	<p>Theo quy định của Chương trình: phạm vi hỗ trợ của Ngân sách Nhà nước của Chương trình (gồm NS Trung ương, địa phương) bao gồm: (i) các xã thuộc phạm vi của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Các xã còn lại ngoài các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo); (ii) Các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo: Kinh phí của Chương trình chỉ hỗ trợ những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Như vậy, nguồn ngân sách nhà nước của Chương trình được hỗ trợ cho tất cả các xã. Vì vậy, đối tượng áp dụng là tất cả các xã trên địa bàn tỉnh là phù hợp.</p>
<p>3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo với các lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại Mục 2 của Báo cáo này.</p>	<p>Thống nhất tiếp thu và đã được giải trình tại mục 2</p>

<sup>(1)</sup> Xã thuộc vùng đồng bào dân tộc và miền núi của tỉnh Kon Tum được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021.

Nội dung thẩm định	Nội dung tiếp thu, giải trình
<p>4. Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <p>4.1. Đoạn đầu Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành<sup>(2)</sup></i>”. Đoạn cuối Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “<i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa XII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2022</i>”. Như vậy, với cùng dự kiến về thời điểm có hiệu lực của dự thảo nhưng Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định thời điểm có hiệu lực của dự thảo Nghị quyết là chưa thống nhất.</p> <p>Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (<i>đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>), văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. Dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định nêu trên và quy định tại khoản 1 Điều 38, Điều 74 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản cho phù hợp, đúng quy định.</p> <p>3.2.2. Cũng tại đoạn đầu Điều 3 dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy</p>	<p>Thống nhất tiếp thu hoàn toàn chỉnh lại theo nội dung góp ý</p>

<sup>(2)</sup> Theo quy định tại khoản 5 Điều 85, khoản 1 Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 thì Hội đồng nhân dân biểu quyết **thông qua** dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo... và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc chủ tọa kỳ họp **ký chứng thực**.

Nội dung thẩm định	Nội dung tiếp thu, giải trình
<p>định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh. Cơ quan thẩm định nhận thấy, Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND đã được kéo dài thời gian thực hiện đến khi có văn bản mới thay thế hoặc bãi bỏ tại điểm đ, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p> <p>Bên cạnh đó, khoản 6 Điều 3 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo quy định: <i>“Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì tiếp tục áp dụng triển khai thực hiện đến khi hoàn thành dự án”</i>.</p> <p>Từ những vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại việc dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh việc thay thế Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND; đồng thời xem xét, chuyển nội dung khoản 6 Điều 3 dự thảo Quy định thành một nội dung của quy định chuyển tiếp, đảm bảo phù hợp, thống nhất với dự kiến quy định về hiệu lực thi hành. Theo quan điểm của cơ quan thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo nên tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo hướng bãi bỏ điểm e, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND.</p>	

Nội dung thẩm định	Nội dung tiếp thu, giải trình
5. Đối với dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo	
5.1. Khoản 2 Điều 3 dự thảo Quy định dự kiến một trong những nguyên tắc hỗ trợ là: “ <i>Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các địa phương</i> ”. Theo quan điểm của cơ quan thẩm định, nội dung nêu trên không phải là nguyên tắc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh mà là nguyên tắc đầu tư, quản lý đầu tư. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, loại bỏ nguyên tắc hỗ trợ nêu trên.	Thống nhất tiếp thu
5.2. Tương tự các lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại Mục 2 của Báo cáo này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 4 dự thảo Quy định khi dự kiến mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện từng nội dung, công việc cụ thể áp dụng cho tất cả xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.	Nội dung này đã được giải trình cụ thể tại mục 2.
5.3. Khoản 2 Điều 4 dự thảo Quy định dự kiến đối với hỗ trợ phát triển sản xuất ( <i>dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ</i> ) thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP bên cạnh việc quy định mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nói riêng còn quy định	Thông nhất và bỏ Khoản 2 Điều 4 dự thảo Quy định.

<b>Nội dung thẩm định</b>	<b>Nội dung tiếp thu, giải trình</b>
<p>về điều kiện hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị dự án; lựa chọn dự án; nội dung hỗ trợ... Như vậy, với việc viện dẫn mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện từng nội dung, công việc cụ thể trong phát triển sản xuất nêu trên đã vượt quá phạm vi điều chỉnh mà dự thảo dự kiến quy định tại Điều 1 dự thảo Quy định. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu để chỉnh lý lại nội dung dự kiến tại khoản 2 Điều 4 dự thảo đảm bảo chính xác, phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quy định.</p>	
<p>5.4. Đối với các nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 4 dự thảo Quy định ban hành kèm theo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019, Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Quyết định số 263/QĐ-TTg, các văn bản pháp luật có liên quan và đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (<i>Sở Tư pháp không thẩm định đối với nội dung này</i>).</p> <p>Bên cạnh đó, hiện nay, một số cơ quan trên địa bàn tỉnh cũng được cơ quan có thẩm quyền giao xây dựng các Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. Vì vậy, để đảm bảo thống nhất về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia</p>	<p>Thống nhất tiếp thu</p>

Nội dung thẩm định	Nội dung tiếp thu, giải trình
<p>trên địa bàn tỉnh, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan được giao chủ quản thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc) nghiên cứu, xây dựng mức hỗ trợ cho phù hợp, thống nhất, tránh tình trạng các mức hỗ trợ bị chồng chéo sau khi các Nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành.</p>	
<p><b>6. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản</b></p> <p>Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết có một số nội dung chưa được trình bày đúng theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và Mẫu số 17. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (ban hành Quy định/Quy chế...) (của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định nêu trên để trình bày đúng, cụ thể:</p> <p>6.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo đánh số thứ tự của dự thảo Quyết định theo đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP<sup>(3)</sup>.</p> <p>6.2. Tại căn cứ ban hành văn bản thứ 8 (căn cứ cuối), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện bằng kiểu chữ nghiêng theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>	<p>Thống nhất tiếp thu và hoàn chỉnh lại theo nội dung góp ý.</p>

<sup>(3)</sup> Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh số thứ tự của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, tham gia ý kiến đối với dự thảo... **Dự thảo 3** là dự thảo được gửi đến cơ quan thẩm định sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

<b>Nội dung thẩm định</b>	<b>Nội dung tiếp thu, giải trình</b>
<p>6.3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày tên của Điều bằng kiểu chữ đậm theo đúng quy định tại điểm c, khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm i, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).</p> <p>6.4. Đối với từ “Chương”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày bằng chữ in thường theo đúng quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm i, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).</p> <p>6.5. Tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Quy định dự kiến ban hành kèm theo, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không sử dụng dấu ba chấm (...) khi trình bày nội dung của văn bản để nội dung của văn bản được rõ ràng, cụ thể, không làm phát sinh nhiều cách hiểu theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>	